

VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG TỪ VỰNG – NGŨ NGHĨA ĐỐI VỚI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC

Đỗ Lam Ngọc¹

Tóm tắt: Bài viết bàn về vai trò của trường từ vựng - ngữ nghĩa (còn gọi là trường nghĩa) đối với đọc hiểu văn bản văn học. Mục đích của bài viết nhằm làm sáng rõ sự chi phối của trường nghĩa trong việc biểu đạt nội dung tác phẩm, khắc họa rõ phong cách tác giả, làm giàu vốn từ vựng cho người đọc. Bên cạnh đó, nắm vững các đặc điểm của trường nghĩa sẽ giúp người đọc cảm thụ và phân tích được các văn bản nghệ thuật, nhất là trong cách diễn đạt chứa các hiện tượng ngôn ngữ khác thường. Có thể thấy rằng, mối quan hệ giữa trường nghĩa với ngôn ngữ văn chương gần bó khăng khít giống như hai mặt của một tờ giấy. Do vậy, khi đọc hiểu văn bản văn học, người đọc cần chú ý khai thác phương diện trường nghĩa. Từ đây, bài viết đặt ra vấn đề, tiếp cận trường nghĩa như thế nào để phát triển năng lực đọc hiểu cho người đọc.

Từ khoá: trường nghĩa, đọc hiểu, văn bản, văn bản văn học

1. MỞ ĐẦU

Đọc được coi là một trong bốn kỹ năng sử dụng tiếng Việt, giúp con người thu nhận được lượng thông tin nhanh nhất để không ngừng bổ sung và nâng cao vốn hiểu biết, vốn sống của mình. Hoạt động đọc bao gồm cả mặt kỹ thuật và mặt thông hiểu nội dung. Trong đó, thông hiểu nội dung (đọc hiểu) chính là đích của hoạt động đọc. Vì vậy, có thể khẳng định đọc hiểu là một trong những yếu tố của năng lực ngôn ngữ và là một trong những năng lực cốt lõi cần hình thành ở mỗi con người. Để đọc hiểu thành công, người học phải trang bị được vốn tri thức về từ vựng tiếng Việt. Nhận thức được tầm quan trọng của từ vựng đối với đọc hiểu văn bản, bài viết của chúng tôi đi sâu làm rõ vai trò của tri thức từ vựng nói chung và trường từ vựng ngữ nghĩa nói riêng đối với đọc hiểu văn bản văn học.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề về trường nghĩa

Hòa nhịp với xu hướng nghiên cứu về trường nghĩa trên thế giới, ở Việt Nam một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ cũng đã tiếp thu những thành tựu của thế giới đồng thời đưa ra những nhận định của mình về trường nghĩa. Một số tác giả đã dành những tâm huyết trong việc nghiên cứu trường nghĩa có thể kể đến như Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thiện Giáp, Đỗ Việt Hùng,... Người đi tiên phong trong lĩnh vực này chính là Đỗ Hữu Châu. Ông cho rằng các từ sẽ có những nét nghĩa đồng nhất hay tương đồng với nhau, vì vậy “có thể tiến

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

hành phân lập toàn bộ từ vựng của tiếng việt thành những hệ thống nhỏ hơn và phát hiện ra những quan hệ giữa chúng” [1, tr.170]. Từ đó Đỗ Hữu Châu đã đưa ra nhận định về trường nghĩa như sau: “*Mỗi tiểu hệ thống ngữ nghĩa được gọi là một trường nghĩa. Đó là những tập hợp từ đồng nhất với nhau về ngữ nghĩa*” [1, tr.171]. Theo Đỗ Hữu Châu, căn cứ vào sự kết hợp trên trục dọc có hai loại trường: trường nghĩa biểu vật và trường nghĩa biểu niệm; ứng với sự kết hợp trên trục ngang có trường tuyến tính; và ứng với ý nghĩa liên hội của từ có trường nghĩa liên tưởng. Trong bài báo này, chúng tôi tiếp nhận quan niệm về trường nghĩa của tác giả Đỗ Hữu Châu đồng thời lấy đó làm cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu của mình.

Ví dụ trường nghĩa biểu vật :

Chọn từ “cây” làm gốc, ta có thể thu thập các từ đồng nhất về phạm vi biểu vật với “cây”, như:

- Các loại cây: *cây táo, cây na, cây mít, cây xà cừ...*
- Các bộ phận của hoa: *thân, cành, lá, rễ...*
- Tính chất, trạng thái của cây: *tươi, héo, già, non...*
- Hình dáng, kích thước của cây: *to, nhỏ, nhỏ, trung bình...*

Dựa vào quan hệ ngang và quan hệ dọc trong hệ thống ngôn ngữ, Đỗ Hữu Châu đã tiến hành phân lập trường nghĩa thành hai loại: trường nghĩa ngang và trường nghĩa dọc (trường nghĩa biểu vật và trường nghĩa biểu niệm). Kết hợp trường nghĩa ngang và trường nghĩa dọc ta có trường nghĩa liên tưởng.

2.2. Một số khái niệm liên quan đến đọc hiểu văn bản

2.2.1. Đọc

Đọc được coi như một dạng vận động trí óc thiết yếu của con người nhằm tri nhận về thế giới xung quanh. Chúng tôi quan niệm “*niệm đọc là hoạt động mà con người dùng thị giác để nhận biết những kí tự, kí hiệu, chữ viết*” hoặc hình ảnh, sử dụng bộ máy phát âm của mình “*chuyển thành lời nói có âm thanh (đọc thành tiếng) hoặc chỉ chuyển thành các đơn vị nghĩa không có âm thanh (đọc thầm)*” nhằm truyền đạt một nội dung nhất định đến người nghe. Sau đó dùng não để tư duy, phân tích và lưu giữ những nội dung mà mình đã đọc.”

2.2.2. Hiểu

Hiểu là tìm ra, phát hiện, vận dụng trí tuệ để nhận diện và giải thích các kí hiệu ngôn ngữ đồng thời tri nhận được mối liên hệ của sự vật, hiện tượng, đối tượng.” Hiểu không chỉ là nắm vững nội dung cơ bản mà còn biết vận dụng những kiến thức đã nắm vững tiến hành giải quyết những vấn đề thực tiễn.

2.2.3. Đọc hiểu văn bản

“Chúng tôi cho rằng “*Đọc - hiểu là một khái niệm khoa học chỉ ra mức độ cao nhất của hoạt động đọc; đọc - hiểu đồng thời cũng chỉ ra năng lực văn của người*” [2, tr.50]. Đọc hiểu văn bản” chính “là hoạt động tiếp xúc trực tiếp với văn bản” để đọc và giải mã các tầng ý nghĩa của văn bản. Nói cách khác, đọc hiểu là hoạt động kiến tạo nghĩa. Người học sử dụng vốn ngôn ngữ, vốn sống cùng “các thao tác tư duy để luận giải nội” dung của văn bản; phản hồi “và sử dụng văn bản vào nhiều mục đích khác nhau.

2.2.4. Văn bản văn học

Các tác giả của *Từ điển thuật ngữ văn học* định nghĩa văn bản văn học là: “*một chỉnh thể nghĩa, một khối thống nhất có tổ chức của các thành tố hợp thành, một thông báo mà tác giả (người phát) gửi tới người đọc, người xem (người nhận). Nghĩa của văn bản được xác định bởi quan hệ của nó với thực tại ngoài văn bản, với các văn bản khác, với từng cá nhân, với kí ức và các phẩm chất khác nữa của người phát và người nhận thông báo*” [3, tr.395].

Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm về văn bản văn học như sau: Văn bản văn học là những văn bản được viết ra nhằm bộc lộ cảm xúc, tình cảm, tư tưởng (trực tiếp và gián tiếp) của người viết. Văn bản văn học gồm các văn bản hư cấu (như truyện, tiểu thuyết, thơ, kịch bản văn học) và các văn bản văn học không hư cấu (chủ yếu là thể loại kí văn học: bút kí, tùy bút, nhật kí, hồi kí, phóng sự, du kí, tản văn...).

2.3. Vai trò của từ vựng đối với đọc hiểu văn bản

Từ vựng là tập hợp các từ và các đơn vị tương đương với từ trong một ngôn ngữ. Trong hệ thống từ vựng, từ là đơn vị trung tâm, điển hình. Bên cạnh các từ, trong hệ thống mỗi ngôn ngữ còn tồn tại các đơn vị tương đương với từ, đó là các ngữ cố định, ví dụ: *mèo mù vớ cá rán, vắt cổ chày ra nước...* Từ vựng là một hệ thống phức tạp, luôn luôn biến đổi và phát triển. Hệ thống này được phân chia thành nhiều hệ thống khác nhau dựa vào những tiêu chí khác nhau. Cụ thể, dựa vào cấu tạo từ, ta có thể phân chia thành từ đơn, từ ghép, từ láy; dựa vào phạm vi sử dụng từ hay nguồn gốc của từ, người ta lại có thể chia từ vựng thành các lớp từ (từ địa phương, từ toàn dân; từ thuần Việt, từ vay mượn...). Như vậy, có thể thấy tri thức về từ vựng bao gồm khá nhiều phương diện. Đó là những hiểu biết có hệ thống, toàn diện về từ, ngữ tiếng Việt. Đó có thể là những tri thức về vỏ ngữ âm, chữ viết của từ; tri thức về hình thức cấu tạo từ; tri thức về nghĩa của từ; tri thức về mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ; tri thức về chức năng ngữ pháp của từ; những hiểu biết về sử dụng từ...

Tầm quan trọng của những kiến thức liên quan đến từ vựng đối với đọc hiểu văn bản đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới nhận thức một cách sâu sắc. Năm 1925, Hiệp

hội nghiên cứu quốc gia về Niên giám giáo dục (NSSE) (Whoop, 1925) đã ghi chú: “tăng cường sức mạnh đọc có nghĩa là, liên tục làm phong phú và mở rộng vốn từ vựng và tăng khả năng phân biệt rõ ràng giá trị của các từ” [10]. Davis (1942) đã đưa ra những tri thức nền mà con người cần trang bị để đọc hiểu đó là: “kiến thức về từ vựng và lý luận, trong đó từ vựng chiếm một vị trí quan trọng trong việc học đọc” [6, tr.76]. Một số báo cáo của những tổ chức uy tín như National Reading Panel 2000 [7], The US National Assessment of Educational Practice 2012 [8] đều khẳng định từ vựng là một yếu tố bắt buộc của đọc hiểu, tác động và chi phối mạnh mẽ đến kết quả đọc hiểu. Cùng mối quan tâm nghiên cứu về ảnh hưởng của các yếu tố ngôn ngữ đối với đọc hiểu, Davis (2006) nhấn mạnh: “ngay cả chương trình dạy kỹ năng phát âm tốt nhất cũng không biến một đứa trẻ thành một người đọc mạnh mẽ nếu đứa trẻ có kiến thức ngôn ngữ hạn chế, vốn từ vựng kém và kiến thức ít ỏi về các môn học chính” [6]. Chung tư tưởng với những quan điểm đề cập phía trên, Hirsch, E.D. (2006) cũng khẳng định: “Những hiểu biết về nội dung và từ vựng là nền tảng để đọc hiểu thành công; không có kiến thức, khả năng đọc hiểu của trẻ sẽ không được cải thiện và điểm số của chúng trong các bài kiểm tra đọc hiểu cũng sẽ không tăng lên” [9]. Một số chuyên gia cũng ước tính rằng, trong quá trình đọc hiểu văn bản, độc giả phải hiểu được ít nhất 90% từ có mặt trong văn bản thì mới có thể hiểu được nội dung của văn bản. Như vậy trong quá trình đọc hiểu mà người đọc không hiểu nghĩa của từ và mối quan hệ giữa các từ trong văn bản thì không thể thành công. “Nếu như không hiểu đúng nghĩa của từ, không nắm được chính xác nội dung mà người viết muốn gửi gắm qua từ thì mọi sự phân tích về giá trị nghệ thuật của từ sẽ chỉ là những tấn kịch hết sức hài hước” [7].

Tóm lại, tất cả các quan điểm nêu trên dù có cách diễn đạt khác nhau nhưng đều đi đến một khẳng định: từ vựng là một trong những yếu tố góp phần quan trọng vào việc đọc hiểu văn bản. “Kiến thức từ vựng là nền tảng giúp đọc hiểu thành công. Người ta không thể hiểu văn bản nếu không biết nghĩa của từ là gì. Nói cách khác, nếu đọc hiểu chỉ dừng lại ở việc đọc từ mà thiếu đi kỹ năng nhận dạng từ, hiểu nghĩa của từ thì việc đọc hiểu sẽ thất bại” [4, tr.111].

Vai trò của từ vựng đối với đọc hiểu văn bản có thể xem xét ở nhiều khía cạnh: cấu tạo từ, nghĩa của từ, các quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, các lớp từ vựng. Mỗi phương diện nói trên của từ ngữ đều đóng một vai trò nhất định trong đọc hiểu. Ở đây, chúng tôi xem xét vai trò của trường nghĩa đối với đọc hiểu văn bản văn học.

2.4. Vai trò của trường nghĩa đối với đọc hiểu văn bản

2.4.1. Trường nghĩa giúp xác định nội dung của văn bản

Xét trong phạm vi một tác phẩm văn học, các từ ngữ thường được huy động theo một mối quan hệ ngữ nghĩa nhất định để biểu đạt một phạm vi hiện thực trong tác phẩm. Chúng thống nhất, cộng hưởng với nhau qua đó tạo nên nội dung cho “đứa con tinh thần” của mỗi nhà văn, nhà thơ. Khi nhận chân được rõ ràng trường nghĩa trong văn bản thì việc xác định nội dung, chủ đề, tư tưởng của văn bản sẽ trở nên khách quan bởi việc bám sát vào tìm hiểu tập hợp các từ ngữ trong trường sẽ giúp độc giả tránh được những suy luận vô căn cứ, những thông tin ngoài lề tác phẩm. Nói cách khác, trường nghĩa (trường biểu vật, trường biểu niệm, trường liên tưởng) chính là căn cứ để xác định nội dung của một văn bản. Khi đề cập đến một phạm vi hiện thực nào đó, nhà văn/nhà thơ thường huy động các từ ngữ thuộc phạm vi biểu vật đó, đồng thời phát huy cả trường liên tưởng để tập hợp các từ ngữ, nhằm biểu đạt một cách rõ nét về phạm vi hiện thực đó.

Chẳng hạn, đọc bài thơ Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ, có thể nhận thấy, nhà thơ đã đưa vào sáng tác của mình hàng loạt các từ ngữ chỉ sự vật (*dải mây, núi, nhà tranh, đôi xanh*), các từ ngữ chỉ màu sắc (*trắng, đỏ, hồng lam, biếc, đỏ, thắm...*), các từ ngữ chỉ người với các lứa tuổi khác nhau (*họ, thằng cu, cụ già, cô*), các từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người (*tung bùng, vui vẻ, kéo, chạy, lon xon, khom, bước, cười, lặng lẽ...*). Dựa vào những từ ngữ này, người đọc có thể hiểu được nội dung của tác phẩm. Đó là một bức tranh về phiên chợ tết tung bùng, đông vui, náo nhiệt. Các từ ngữ chỉ người và hoạt động của người cho thấy, con người với đủ lứa tuổi khác nhau đang tham gia vào phiên chợ tết với tâm trạng vui vẻ, háo hức, hân hoan. Một bức tranh với những gam màu tươi sáng, sắc sảo hiện lên nhờ các từ ngữ chỉ màu sắc. Cảnh vật cũng như đang hoà cùng với tâm trạng vui vẻ, phấn khởi của con người.

Một ví dụ khác, trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, Huy Cận đã sử dụng hàng loạt các trường nghĩa khác nhau. Đó là những từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên (*gió, trăng, mây, biển*); những từ chỉ hoạt động mạnh mẽ của con người (*lái, lướt, dò, dàn, đan, vây, giăng*); những từ chỉ sự vật (*thuyền, buồm, lưới*):

Thuyền ta lái gió với buồm trắng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dậm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng

(*Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận)

Có thể thấy, những từ ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên thống nhất với nhau bởi nét nghĩa không gian rộng lớn, khoáng đạt còn các từ chỉ hoạt động của con người thống nhất bởi nét nghĩa cường độ: nhanh, mạnh mẽ, dứt khoát... Tất cả những trường nghĩa trên đã cộng hưởng, phối hợp và giao hòa với nhau nhằm tô đậm nội dung tác phẩm: vẻ đẹp kì

vĩ, tầm vóc của đoàn thuyền đánh cá đồng thời ca ngợi tư thế làm chủ của con người Việt Nam trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Có thể thấy rằng, giữa trường nghĩa biểu vật với ngôn ngữ văn chương có mối quan hệ mật thiết với nhau. Cụ thể, các từ trong trường biểu vật này thường “lôi kéo” nhau chuyển sang trường biểu vật khác tạo nên nội dung cho tác phẩm. Từ ngữ trong tác phẩm văn chương thường có hiện tượng chuyển trường biểu vật nghĩa, tức là một số từ thuộc trường biểu vật này nhưng có thể chuyển sang một trường biểu vật khác. Cụ thể, khi đọc-hiểu văn bản “Vượt thác”, người đọc thấy Võ Quảng đã đem những từ ngữ nằm trong tiểu trường hoạt động, đặc điểm của con người để gán cho sự vật nhằm dựng nên hình ảnh con sông kì vĩ:

“Ra khỏi Thạch Bích, con sông vẫn phải tả xông hữu đột giữa lớp lớp núi non trùng điệp. Những ngọn sóng lực lưỡng quất thẳng cánh vào đá bóng nhoáng. Chúng vùng vẫy, nhảy nhót, nhào lộn, nổ súng ùng oàng rồi kéo nhau vụt chạy giống như đàn ngựa phi nước đại.

Trưa hôm sau, bè ra khỏi núi. Con sông Thu Bồn chọt rộng ra, thờ phào, trôi khoan thai giữa hai bờ dâu xanh, đang tay ôm vào lòng đất Gò Nổi rồi từ từ đổ ra bể.”

(Trích *Vượt thác*-Võ Quảng)

Trong đoạn văn trên, một số từ ngữ thuộc trường chỉ con người đã chuyển sang trường chỉ sông nước: *tả xông hữu đột, lực lưỡng, quất thẳng cánh, vùng vẫy, nhảy nhót, nhào lộn, nổ súng, thờ phào, khoan thai*... Việc các từ ngữ lôi kéo nhau chuyển trường đã góp phần khắc họa vẻ sinh động cho con sông. Võ Quảng đã cho độc giả thấy con sông giống như một chiến binh oai hùng.

Khám phá vai trò của trường nghĩa trong việc hiện thực hoá nội dung văn bản phải kể đến vai trò của trường liên tưởng. Đỗ Hữu Châu cho rằng *“Trường liên tưởng có hiệu lực cao trong giải thích việc dùng từ, đặc biệt là việc dùng từ trong các tác phẩm văn học. Khi thường thức và nghiên cứu văn học nhiều khi phải viện đến trường liên tưởng để lý giải các hiện tượng ý tại ngôn ngoại “sấm bên Đông động bên Tây, tuy rằng bên đấy nhưng đây động lòng, hay chuỗi kết hợp bất thường, mơ hồ về nghĩa trong thơ ca hay các biểu tượng, biểu trưng văn học”* [1, tr.40].

Cụ thể, trong đoạn trích dưới đây, chỉ bằng bốn câu thơ, đại thi hào Nguyễn Du đã họa nên một bức tranh mùa xuân tràn đầy nhựa sống thông qua trường liên tưởng phong phú:

*“Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời*

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Nhắc đến từ *xuân* ta có thể xác lập được trường liên tưởng gồm các từ xuất hiện trong khổ thơ trên như: *cánh én, cỏ non, hoa lê...* Sắc xanh non tơ của cỏ, màu trắng tinh khôi của hoa lê như trải rộng ra, bao trùm cả không gian. Cảnh sắc mùa xuân trong thơ Nguyễn Du thật tinh khôi, trong trẻo. Có thể thấy rằng, mối quan hệ giữa trường nghĩa với ngôn ngữ văn chương gắn bó khăng khít giống như hai mặt của một tờ giấy.

Tóm lại, khi đọc hiểu văn bản văn học, chúng ta không thể xem nhẹ mối quan hệ giữa các từ ngữ xuất hiện trong văn bản. Đó chính là một trong những nhân tố giúp quá trình đọc hiểu nội dung tác phẩm đi đến thành công.

2.4.2. Trường nghĩa giúp nhận diện phong cách tác giả

Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo. Người nghệ sĩ muốn chạm khắc dấu ấn trong tâm khảm độc giả phải có phong cách nghệ thuật riêng biệt. Phong cách được thể hiện thông qua cái nhìn của người nghệ sĩ đối với hiện thực cuộc sống và cách sử dụng từ ngữ của mỗi nhà văn, nhà thơ. Do vậy, muốn đọc hiểu thành công tác phẩm của một tác giả nào đó người đọc không thể bỏ qua vốn từ vựng trong sáng tác của tác giả đó. Tần số sử dụng một trường từ vựng nào đó cũng sẽ góp phần nhận diện phong cách tác giả. Nhờ trường từ vựng, các nhà nghiên cứu có thể “đọc vị” phong cách của các tác giả khác nhau. Chẳng thế mà, Đoàn Văn Cừ được gọi là nhà thơ của màu quê, Nguyễn Bính được mệnh danh là nhà thơ chân quê với giọng điệu dân gian, Hoàng Cầm với biệt danh gã phù du Kinh Bắc, Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị (trong thơ ông, trường từ vựng chỉ Đảng, Bác Hồ, Tổ quốc, cách mạng xuất hiện dày đặc), Nguyễn Quang Thiều – nhà thơ của nước, lửa và cánh đồng hay Y Phương – nhà thơ của đá núi...

Nhắc đến Nguyễn Bính, người đọc thường nhớ đến nhà thơ của nông thôn, nhà thơ của cảnh quê, tình quê. Sở dĩ Nguyễn Bính được mệnh danh như vậy là bởi hệ thống từ ngữ mà nhà thơ huy động trong mỗi sáng tác. Khám phá thơ ông, người đọc thấy hàng loạt những từ thuộc trường từ vựng nông thôn được ông sử dụng dày đặc. Có lẽ Nguyễn Bính là người đem nhiều nhất những mã ngôn ngữ của đời sống dân dã vào thơ Việt Nam hiện đại. *Những giậu mừng tôi, giếng sáng, vườn chè, trống chèo, hoa xoan, hoa bưởi, hoa cam, cánh bướm nâu, vườn dâu, vườn cam, tầm, dâu xanh, quay tơ, khung cửi, ao rau cần, giàn đỗ ván, vừng, yếm lụa sồi, dây lưng đũi, áo tứ thân, khăn mỏ quạ, quần nải đen...*, tất cả đã vào thơ Nguyễn Bính một cách trữ tình, duyên dáng như ca dao.

Nhà tôi có một vườn dâu

Có giàn đỗ ván, có ao cấy cần

Hoa đỗ ván nở mùa xuân

Lúa dâu tháng tháng, lúa cần năm năm.

(Trích Nhà tôi - Nguyễn Bính)

Tìm hiểu về Y Phương, người đọc không khỏi ngưỡng mộ trước nhân cách và tài năng của người "kê cao quê hương" bằng thơ. Các tác phẩm của ông bao giờ cũng đau đáu một tấm lòng hướng về quê hương xứ sở, về dân tộc mình và đất nước mình. Mảnh đất Cao Bằng với thiên nhiên khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, với những con người giàu ý chí là những hình ảnh xuyên suốt và trở đi trở lại trong thơ Y Phương. Hiện thực cuộc sống "lên thác xuống ghềnh", lam lũ của người dân chính là đề tài phổ biến trong thơ ông. Hình ảnh đá được nhắc đi nhắc lại nhiều lần như một ám ảnh khôn nguôi. Đá là một vật thể phổ biến ở vùng cao nhưng nó còn là nỗi niềm trăn trở đau đáu của nhà thơ về hiện thực áo cơm nghèo khó ở miền núi: "Đi từ mùa khô/ Đến hết mùa khô/ Chỉ thấy **đá/ Đá** lờm chờm/ **Đá** thu lu/ **Đá** hun hút" (Những người thấp bé); "Những hòn **đá** héo/ Dầm chân suối reo/ Như anh/ Dầm chân đời nghèo" (Những hòn đá héo) Và "Dẫn em qua mộ vùng toàn **đá/ Đá** lô nhô như sóng triều dâng/ Em có buồn?/ Sao em băng khuâng? Quê hương mãi nghèo thế" (Tiếng hát tháng giêng). Nhưng *gập ghềnh* cũng là **đá**, cứng cỏi, rắn rỏi cũng là **đá**, để "Người đồng mình tự đục **đá** kê cao quê hương" bằng đôi "Bàn tay như củ gừng dẻo **đá**" (Phòng tuyến Lau Khiêu) "Đôi bàn tay từng đập bằng **đá** sắc" (Tên làng). Tóm lại, để khái quát được phong cách của một tác giả, bên cạnh phương diện về đề tài, chủ đề... người đọc có thể căn cứ vào tần số sử dụng trường từ vựng ngữ nghĩa trong sáng tác. Hiểu biết sâu sắc về vốn từ mà một nhà văn/nhà thơ sử dụng chính là một trong những chìa khoá dẫn đến đọc hiểu thành công.

2.4.3. Trường nghĩa giúp trang bị vốn từ

Chúng ta biết rằng: các từ ngữ xuất hiện trong văn bản văn chương không tồn tại độc lập, riêng rẽ mà chúng có mối quan hệ gắn bó, tạo thành hệ thống. Biểu hiện rõ nhất của tính hệ thống này chính là trường nghĩa. Trường nghĩa thực chất chính là sự huy động từ ngữ theo một chủ đề nhất định. Vốn từ ngữ càng sâu rộng thì càng huy động được nhiều từ và ngược lại. Dựa vào đặc điểm này của trường nghĩa, khi đọc hiểu văn bản văn học, người đọc không chỉ tích lũy được vốn từ vựng mà còn giúp đọc giả hiểu rõ hơn về đẹp của ngôn từ - chất liệu tạo nên các tác phẩm văn chương.

Vốn từ của một cá nhân là toàn bộ các từ và đơn vị tương đương với từ tồn tại trong trí óc được người đó sử dụng trong hoạt động giao tiếp. Con đường hình thành vốn từ ở mỗi người cũng rất đa dạng. Vốn từ có thể được hình thành theo con đường tự nhiên, vô thức thông qua việc nghiên cứu văn chương hoặc thông qua con đường có ý thức, cụ thể qua việc học tập hàng ngày. Có thể khẳng định giữa trường nghĩa và đọc hiểu văn bản văn học tồn tại một mối quan hệ hai chiều. Trước hết đọc hiểu văn bản văn học giúp người đọc mở rộng vốn từ, làm giàu vốn từ cho mình. Tiếp đó, từ vốn từ thu thập được trong quá trình đọc hiểu văn

bản văn học, người đọc lại huy động để đọc hiểu văn bản tiếp theo. Như vậy quá trình làm giàu vốn từ nhờ trường nghĩa như một sự tiếp nối không ngừng nghỉ.

Chẳng hạn, khảo sát trường từ vựng chỉ ngoại hình người phụ nữ trong sáng tác của Đỗ Bích Thúy cụ thể hơn là trường từ vựng chỉ đặc điểm của đôi mắt chúng tôi đã thu được một chuỗi các từ ngữ chỉ đặc điểm của đôi mắt như: *thâm quầng, xa vời vợi, đen thâm thẳm, buồn, sắc lem lem, một mí, mọng đỏ, nhòa, long lanh, màu hạt dẻ, trong veo, to, sưng vù, ướt, sáng rực, trũng sâu, tròn xoe, mọng nước, lấp lánh, tối sầm,...* Bên cạnh đó Đỗ Bích Thúy cũng mang vào sáng tác của mình tập hợp các từ chỉ đặc điểm hình dáng cơ thể nhằm làm nổi bật lên hình ảnh người phụ nữ miền núi với ngoại hình tiêu biểu đặc trưng như: *mảnh dẻ, gầy guộc, dày dầy, căng tròn, trắng, xanh lét, gầy gò, nặng nề, nhỏ, mềm oặt, mềm mại, tròn trịa, nặng, nhỏ bé, yếu ớt, cao lớn, nở, to, phồng phao, béo tốt, bé tí, mỏng dính, mẩy, căng ních, cồng...* Nhìn chung, để miêu tả vẻ đẹp bên ngoài của người phụ nữ tác giả đã sử dụng lớp ngôn từ khá phong phú, đa dạng thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau. Như vậy, việc tìm hiểu trường nghĩa thông qua các tác phẩm văn chương cũng là một biện pháp hữu hiệu hướng đến việc cung cấp vốn từ, làm giàu vốn từ vựng cho mỗi cá nhân.

Có thể khẳng định: Vốn từ vựng là một yếu tố dự báo nổi bật khả năng đọc hiểu và được coi như một thành tố trung tâm của đọc hiểu, bởi vì mối liên hệ của nó với tri thức nền và cấu trúc ngôn ngữ. Đọc hiểu thành công hay không phụ thuộc vào việc hiểu hầu hết các từ ngữ trong văn bản. Ngôn ngữ là chất liệu tạo nên văn bản, là công cụ để xây dựng nên văn bản. Ngôn ngữ cũng là phương tiện để khám phá, lĩnh hội nội dung, ý nghĩa của văn bản. Vì vậy, đọc hiểu, muốn thành công không thể bỏ qua vai trò của các yếu tố ngôn ngữ. Muốn đọc hiểu văn bản, người đọc trước hết phải xuyên qua lớp vỏ ngôn từ. Cái mà người đọc tiếp xúc trước tiên khi đọc văn bản chính là âm thanh ngôn ngữ. Sau lớp vỏ âm thanh, người đọc phải hiểu được nghĩa của từ, nghĩa của câu, nghĩa của đoạn. Có như vậy, việc đọc hiểu mới được coi là thành công.

3. KẾT LUẬN

Đọc hiểu được coi là một trong bốn kỹ năng quan trọng của năng lực ngôn ngữ. Hiệu quả của quá trình đọc hiểu văn bản phụ thuộc vào nhiều yếu tố: vốn hiểu biết về ngôn ngữ, tri thức nền liên quan đến nội dung văn bản hay phương pháp đọc hiểu văn bản... Xét từ góc độ ngôn ngữ, có thể thấy rằng từ vựng ảnh hưởng một cách mạnh mẽ tới hoạt động đọc hiểu văn bản. Thông qua những thao tác như phân tích, tổng kê chúng tôi nhận thấy: chi phối kết quả đọc hiểu văn bản văn học không chỉ có tri thức về thể loại văn bản mà còn có tri thức từ vựng. Tri thức từ vựng đóng vai trò trung tâm trong việc đọc hiểu văn bản. Đọc hiểu văn bản không thể thành công nếu đọc giả thiếu đi vốn từ vựng cùng

những hiểu biết tường tận về nó.

Về ý nghĩa khoa học, bài báo đã làm rõ được khái niệm trường nghĩa, khái niệm đọc hiểu văn bản đồng thời chỉ rõ sự chi phối mạnh mẽ của vốn từ đối với đọc hiểu, thấy được trường nghĩa đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định nội dung của văn bản, giúp nhận diện phong cách tác giả qua đó khẳng định được ảnh hưởng của trường từ vựng – ngữ nghĩa đối với đọc hiểu văn bản. Về ý nghĩa thực tiễn, khi lựa chọn vấn đề trường nghĩa làm cơ sở cho đề tài, chúng tôi mong muốn những kết quả nghiên cứu trong bài báo sẽ là nguồn tham khảo hữu ích trong việc đọc hiểu tác phẩm văn chương thông qua việc nghiên cứu trường từ vựng – ngữ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1997), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Hùng (2014), *Kỹ năng đọc hiểu văn*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Lê Bá Hán – Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (2015), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đỗ Thị Thu Hương (2014), *Vai trò của tri thức từ vựng với đọc hiểu văn bản văn học*, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, (7), tr.109-116.
5. Bùi Minh Toán (2016), *Ngôn ngữ với văn chương*, Nxb Đại học Sư phạm
6. Davis, M. (2006). *Reading instruction: The two keys*. Charlottesville, VA: Core Knowledge Foundation.
7. National Reading Panel 2000, Teaching children^[1] to read: An evidence-based assessment of the scientific research literature on reading and its implications for reading instruction, Department of Health and Human Services, Jessup, MD, <http://www.nationalreadingpanel.org>^[2]
8. National Assessment of Educational Practice 2012, The nation's report card: Vocabulary results from the 2009 and 2011 NAEP Reading Assessments, Institute of Educational Sciences, Washington, DC, <http://nces.edgov/nationsreportcard/pubs/main2011/2013452.asp>
9. <https://courses.lumenlearning.com/literacypractice/chapter/4-language-comprehension-ability-one-of-two-essential-components-of-reading-comprehension/>
10. <https://cer.schools.nsw.gov.au/content/dam/doe/sws/schools/c/cer/localcontent/report.pdf>

ROLE OF VOCABULARY SCHOOL – MEANINGS FOR LEARNING TEXT LEARNING

Do Lam Ngoc

Abstract: *The article discusses the role of the lexical-semantic field in reading comprehension. The purpose of the article is to clarify the influence of the meaning field in expressing the content of the work, clearly depict the author's style, and enrich the vocabulary for readers. Besides, mastering the characteristics of the meaning field will help readers perceive and analyze artistic texts, especially in expressions containing unusual linguistic phenomena. Readers can rely on the systematicity of the meaning field to properly and reasonably decipher cases where words have multiple meanings and are ambiguous about the meaning in the text. It can be seen that the relationship between the field of meaning and literary language is as close as two sides of a piece of paper. Therefore, when reading and understanding literary texts, readers need to pay attention to exploiting the field of meaning. From here, the article poses the problem of how to approach the meaning field to develop reading comprehension for readers.*

Keywords: *semantic field, reading comprehension, text, literary text*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-7-2023; ngày phản biện đánh giá: 26-7-2023; ngày chấp nhận đăng: 09-8-2023)